



CHƯƠNG 1

TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

NỘI DUNG CHÍNH

I. TRIẾT HỌC VÀ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC

1. Khái lược về triết học
2. Vấn đề cơ bản của triết học
3. Biện chứng và siêu hình

II. TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác – Lenin
2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác – Lenin
3. Vai trò của triết học Mác – Lenin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

I. TRIẾT HỌC VÀ VĂN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC

1. Khái lược về triết học

a. Nguồn gốc của triết học

Nguồn gốc nhận thức

Nguồn gốc xã hội



a.Nguồn gốc của triết học

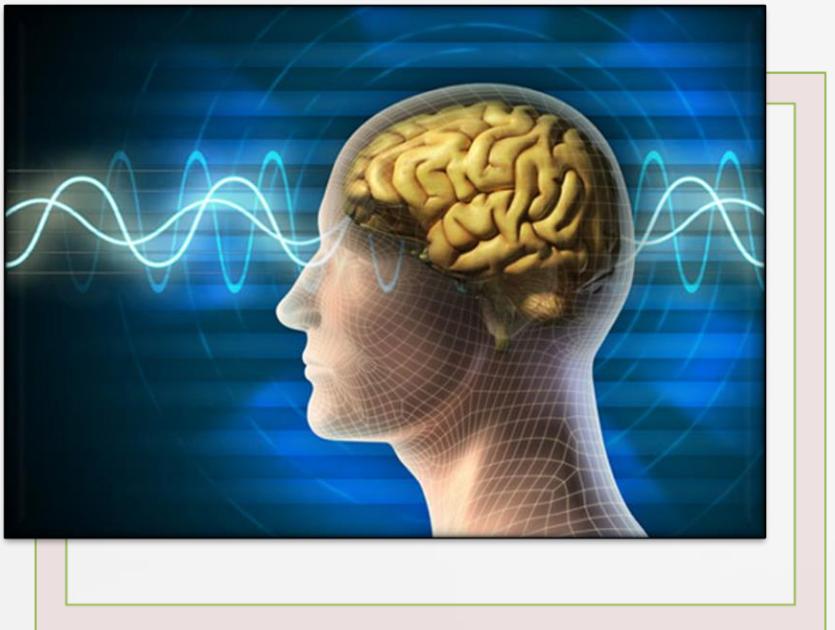
* Nguồn gốc nhận thức



Triết học ra đời (khoảng TK VIII đến TK VI tr.CN), khi năng lực tư duy của con người khai quát hóa được cái riêng thành một hệ thống những quan niệm chung về thế giới.

a.Nguồn gốc của triết học

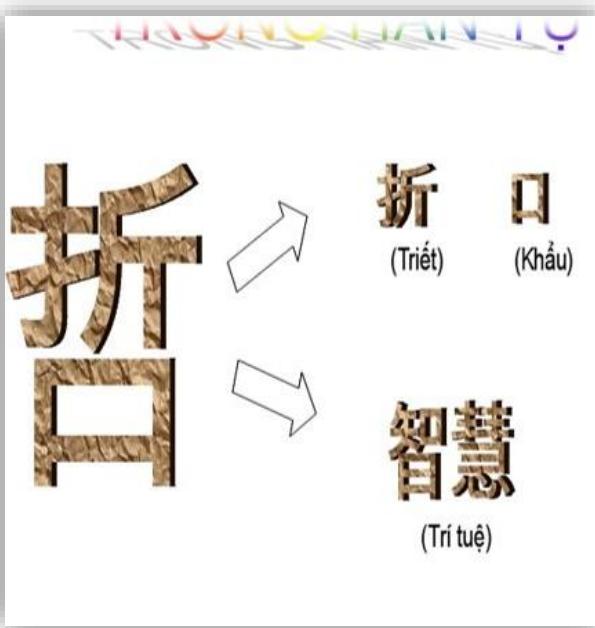
* Nguồn gốc xã hội



Triết học ra đời khi xã hội có sự *phân chia giai cấp, phân chia lao động chân tay và lao động trí óc*

b. Khái niệm triết học

- Trung Quốc: chữ “triết”: biểu hiện cao của trí tuệ.



- Ấn Độ:

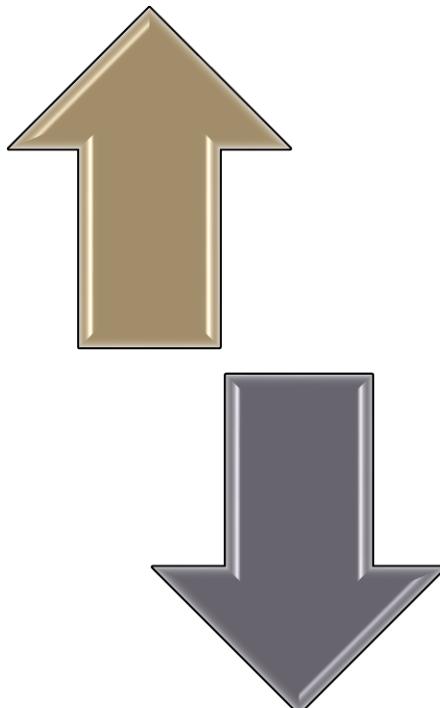
Darsana: sự chiêm ngưỡng, sự nhìn nhận của con người đạt tới chân lý

- Phương tây (Hy Lạp)
Philosophia
- Philo (tình yêu)
- Sophia (sự thông thái)





Philosophia = Philo (tình yêu) + sophia (sự thông thái)



Thuật ngữ triết học có nguồn gốc từ Hy Lạp cổ đại. **Pitago** (576 – 496 tr.CN) là người đầu tiên sử dụng.

Philosophia có nghĩa là *yêu mến sự thông thái*. **Philosophia** vừa mang tính định hướng, vừa nhấn mạnh đến khát vọng tìm kiếm chân lý của con người.



THEO CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

Triết học là hệ thống những quản
điểm lý luận chung nhất về:

- Thế giới (*tự nhiên, xã hội*)
- Vị trí, vai trò con người trong thế giới
- Khoa học về những quy luật vận động,
phát triển chung nhất của TN, XH, TD..

Tư duy



c. Vấn đề đối tượng của triết học trong lịch sử

Thời kỳ Hy Lạp Cổ đại



Triết học tự nhiên bao gồm tất cả những tri thức mà con người có được, trước hết là *các tri thức thuộc khoa học tự nhiên* sau này như toán học, vật lý học, thiên văn học...

Thời Trung cổ



Triết học kinh viện, triết học mang tính tôn giáo

Thời kỳ phục hưng, cận đại



Triết học tách ra thành các môn khoa học như *cơ học, toán học, vật lý học, thiên văn học, hóa học, sinh học, xã hội học, tâm lý học, văn hóa học...*

Triết học cổ điển Đức



Đỉnh cao của quan niệm “*Triết học là khoa học của mọi khoa học*” ở Hegel

Triết học Mác



Duy Vật Biện chung
Trên lập trường DVBC để nghiên cứu những *quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy*



1. Khái lược về triết học

d. Triết học – hạt nhân lý luận của thế giới quan



Là khái niệm triết học chỉ hệ thống các tri thức, quan điểm, tình cảm, niềm tin, lý tưởng xác định về thế giới và về vị trí của con người (bao gồm cá nhân, xã hội và cả nhân loại) trong thế giới đó. Thế giới quan quy định các nguyên tắc, thái độ, giá trị trong định hướng nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người.

Các trình độ (loại hình) thế giới quan

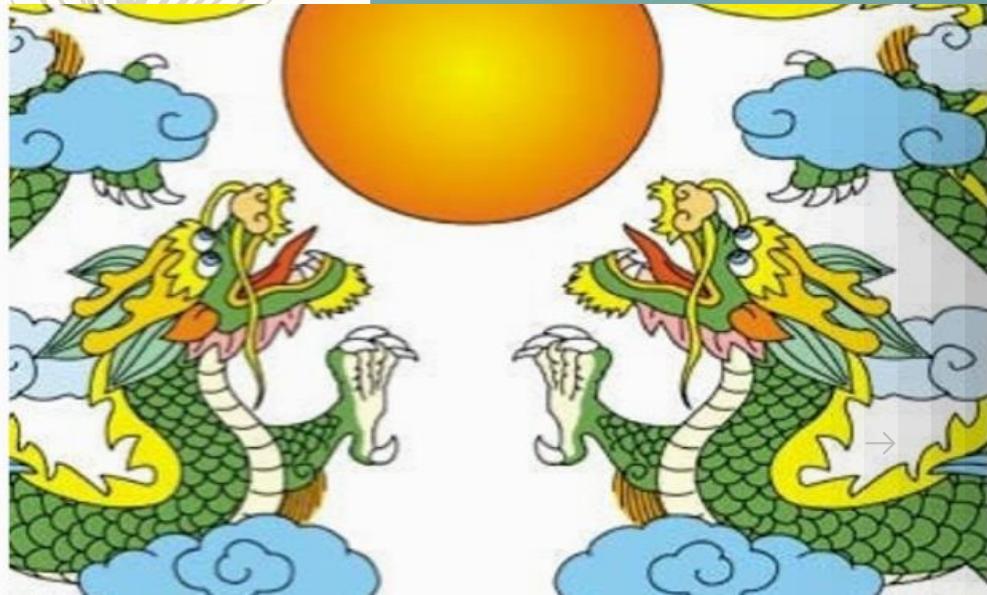


Thế giới quan triết học

Thế giới quan tôn giáo

Thế giới quan huyền thoại

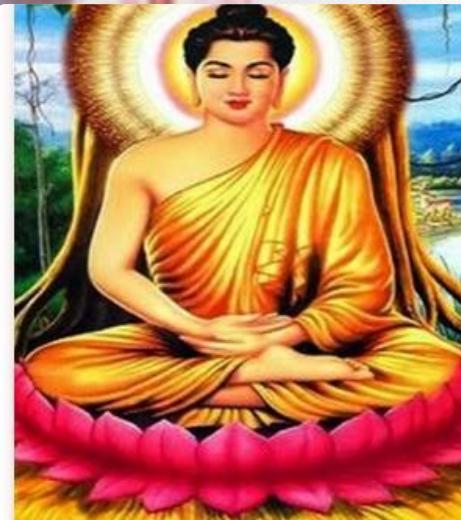
THẾ GIỚI QUAN HUYỀN THOẠI



Là phương thức cảm nhận thế giới của người nguyên thủy. Ở đó, các yếu tố *tri thức và cảm xúc, lý trí tín ngưỡng, hiện thực và tưởng tượng...* hòa quyện vào nhau thể hiện quan niệm về thế giới.



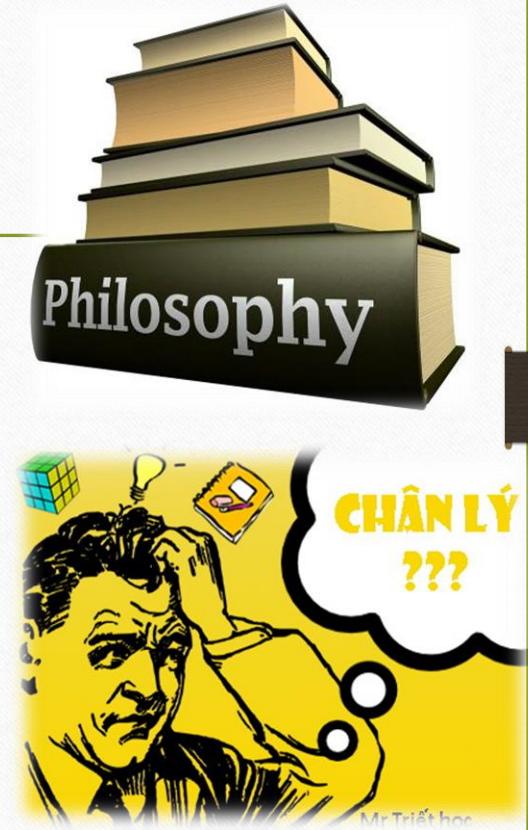
Thế giới quan tôn giáo



Có đặc điểm niềm tin tôn giáo đóng vai trò chủ yếu, tín ngưỡng cao hơn lý trí.

Thế giới quan triết học

Triết học *diễn tả quan niệm của con người về thế giới dưới dạng hệ thống các quy luật, phạm trù*. Do đó, triết học được coi như trình độ tư giác trong quá trình hình thành và phát triển thế giới quan.



Triết học, hạt nhân lý luận của thế giới quan



MỘT LÀ

Bản thân triết học
chính là thế giới quan



HAI LÀ

Trong số các loại thế giới quan phân chia theo các cơ sở khác nhau thì thế giới quan triết học bao giờ cũng là thành phần quan trọng, đóng vai trò là nhân tố cốt lõi



BA LÀ

Triết học bao giờ cũng có ảnh hưởng và chi phối các thế giới quan khác như: thế giới quan tôn giáo, thế giới quan kinh nghiệm, thế giới quan thông thường...,



BỐN LÀ

Thế giới quan triết học quy định mọi quan niệm khác của con người



TGQ DVBC là đỉnh cao của TGQ do nó dựa trên quan niệm duy vật về vật chất và ý thức, trên các nguyên lý, quy luật của biện chứng



“
THẾ GIỚI
QUAN



➤ **Vai trò của thế giới quan:** TGQ có vai trò đặc biệt quan trọng trong cuộc sống của con người và xã hội:



THỨ NHẤT

Tất cả những vấn đề được triết học đặt ra và tìm lời giải đáp trước hết là những vấn đề thuộc **thế giới quan**.

THỨ HAI

Thế giới quan là tiền đề quan trọng để xác lập phương thức tư duy hợp lý và nhân sinh quan tích cực; là tiêu chí quan trọng đánh giá sự trưởng thành của mỗi cá nhân cũng như của từng cộng đồng xã hội nhất định.

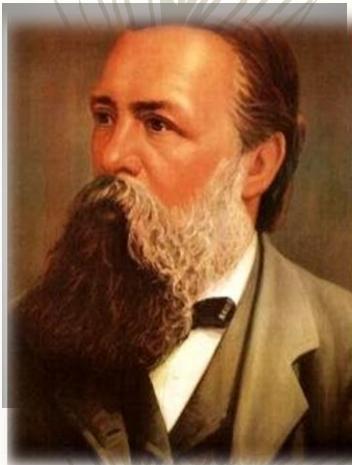
➤ **Triết học với tính cách là hạt nhân lý luận chi phối mọi thế giới quan**

2. Vấn đề cơ bản của triết học

a. Nội dung vấn đề cơ bản của triết học

Tác phẩm: “*L. Phor bách và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức*”,
Ăngghen viết:

“Vấn đề cơ bản lớn của toàn bộ triết học, nhất là triết học hiện đại là:
Mối quan hệ giữa tư duy & tồn tại”
(Vật chất & Ý thức)



Ph. Ăngghen

Hai mặt của vấn đề cơ bản của triết học:

✓ **Mặt thứ nhất:**
giữa vật chất và ý thức thì cái nào có trước, cái nào có sau? cái nào quyết định cái nào?

✓ **Mặt thứ hai:**
con người có khả năng nhận thức được thế giới hay không?

a. Nội dung vấn đề cơ bản của triết học

**VĐCB CỦA TRIẾT HỌC
(MQH VC- YT)**

Bản thể luận (1)

YT -> VC

VC -> YT

Nhận thức luận (2)

KHẢ TRI LUẬN
(Nhận thức được)

CNDV

CNDT

BẤT KHẢ TRI
(Không thể nhận thức)

2. Vấn đề cơ bản của triết học

b. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm



BẢN CHẤT
THẾ GIỚI?

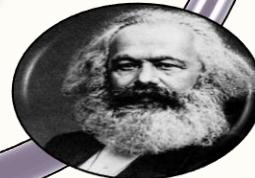
CNDV:
BẢN CHẤT
CỦA THẾ
GIỚI LÀ
VẬT CHẤT



CNDV CHẤT PHÁC



CNDV SIÊU HÌNH TK 15-18



CNDV BIỆN CHỨNG

2. Vấn đề cơ bản của triết học

b. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm



BẢN CHẤT
THẾ GIỚI?



CNDT KHÁCH QUAN

“Tinh thần khách quan có trước
và tồn tại độc lập với con người”

CHỦ NGHĨA DUY TÂM
Bản chất của TG là **ý thức**



CNDT CHỦ QUAN

“Thừa nhận tính thứ nhất của
ý thức từng người cá nhân”

Đặc điểm của chủ nghĩa duy tâm

1.CNDT cho rằng tinh thần có trước, vật chất có sau, thừa nhận sự sáng tạo thế giới của các lực lượng siêu nhiên

3. Liên hệ mật thiết với thế giới quan tôn giáo

5. Nhất nguyên luận và nhị nguyên luận trong triết học

2.Là thế giới quan của giai cấp thống trị và các lực lượng xã hội phản động

4. Chống lại CNDV & KHTN



c. *Thuyết có thể biết (Khả tri luận) và thuyết không thể biết (Bất khả tri luận)*



Khả tri luận

Khẳng định con người về nguyên tắc *có thể hiểu được bản chất của sự vật*; những cái mà con người biết về nguyên tắc là phù hợp với chính sự vật.



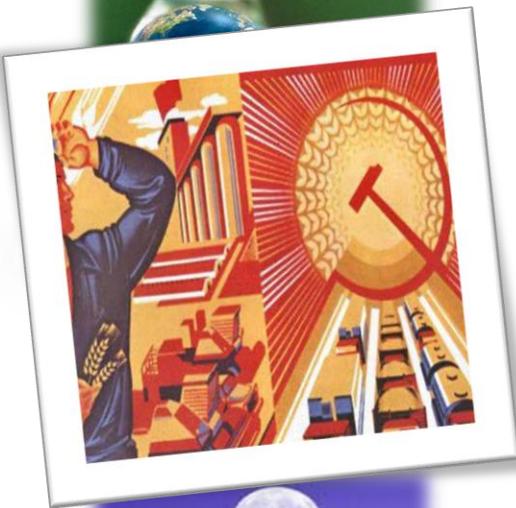
Bất khả tri luận

Con người *không thể hiểu được bản chất thật sự của đối tượng*; Các hiểu biết của con người về tính chất, đặc điểm... của đối tượng.



Hoài nghi luận

Nghi ngờ trong việc đánh giá tri thức đã đạt được và cho rằng con người không thể đạt đến chân lý khách quan



2. VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC

NHỊ NGUYÊN LUẬN: *Thùa nhận vật chất và ý thức tồn tại song song* (thể hiện tư tưởng không triệt để về mặt triết học)



Thế giới có 2
thực thể

Tồn tại được là
nhờ thực thể thứ
3 là Thượng đế
quy định



3. Biện chứng và siêu hình

a. Khái niệm



PHƯƠNG PHÁP BIỆN CHỨNG

- ✓ Nhận thức đối tượng trong các mối liên hệ phổ biến; vận động, phát triển
- ✓ Là phương pháp giúp con người không chỉ thấy sự tồn tại của các sự vật mà còn thấy cả sự sinh thành, phát triển và tiêu vong của chúng
- ✓ Phương pháp tư duy biện chứng trở thành công cụ hữu hiệu giúp con người nhận thức và cải tạo thế giới



PHƯƠNG PHÁP SIÊU HÌNH

- ✓ Nhận thức đối tượng trong trạng thái tĩnh tại, cô lập, tách rời
- ✓ Là phương pháp được đưa từ toán học và vật lý học cổ điển vào các khoa học thực nghiệm và triết học
- ✓ Có vai trò to lớn trong việc giải quyết các vấn đề của cơ học nhưng hạn chế khi giải quyết các vấn đề về vận động, liên hệ

b. Các hình thức của phép biện chứng



Là học thuyết về mối liên hệ phổ biến và sự phát triển

“

*Phép biện chứng
chất phát thời cổ
đại Hy Lạp (vũ trụ
vận động biến hóa)*



Hêraclit:

*Coi sự vận động
và phát triển
như dòng chảy
của con sông*

“

*Phép biện chứng
duy tâm (PPL:
BC; TGQ: DT)*

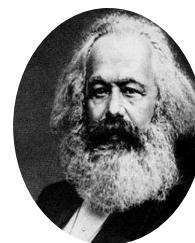


Hêghen:

*Biện chứng của ý
niệm sản sinh ra
biện chứng của
sự vật*

“

*Phép biện chứng
duy vật (TGQ: DV;
PPL: BC)*



C.Mác:

*Đối tượng phản
ánh là TG vô
cùng tận*

II. TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác – Lênin

a. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác – Lênin

ĐIỀU KIỆN KINH
TẾ - XÃ HỘI

TIỀN ĐỀ
KHOA HỌC
TỰ NHIÊN

TIỀN ĐỀ
LÝ LUẬN



a. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác – Lênin



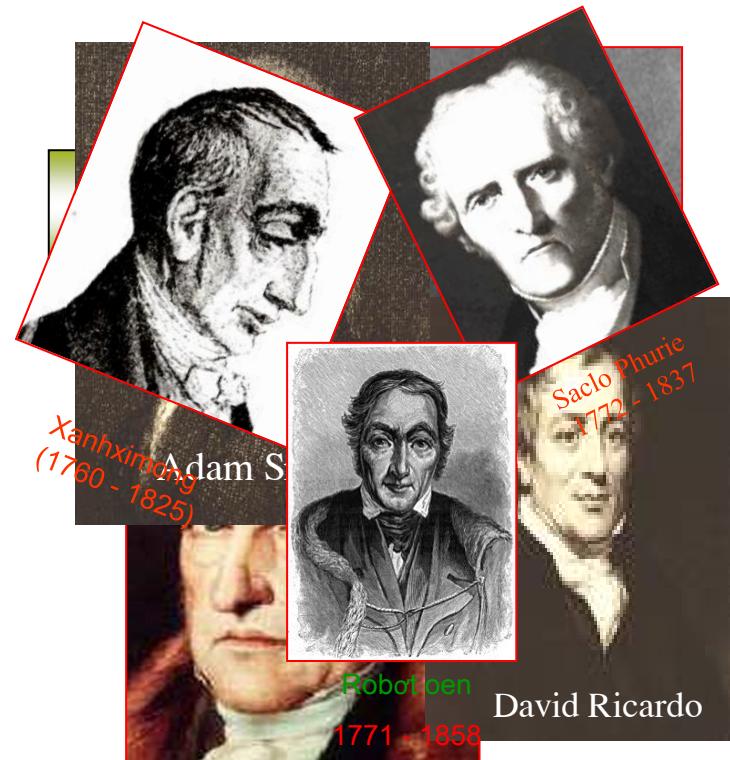
“

Điều kiện kinh tế - xã hội

- ✓ *Sự củng cố và phát triển của PTSX TBCN trong điều kiện cách mạng công nghiệp*
- ✓ *Sự xuất hiện của giai cấp vô sản trên vĩ đài lịch sử* với tính cách là một lực lượng chính trị - xã hội độc lập, là *nhân tố chính trị - xã hội quan trọng cho sự ra đời triết học Mác.*
- ✓ *Thực tiễn cách mạng* của giai cấp vô sản là cơ sở chủ yếu nhất cho sự ra đời của triết học Mác.

TIỀN ĐÈ LÝ LUẬN

- Trực tiếp là triết học cổ điển Đức mà đại biểu là Hegel và Phoibắc
- Kinh tế chính trị học cổ điển Anh
- Chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán (Pháp – Anh)



TIỀN ĐỀ KHOA HỌC TỰ NHIÊN

- **Học thuyết về tính bảo toàn vật chất & năng lượng** với tư cách là khoa học về tính thống nhất vật chất & chuyển hóa của giới tự nhiên

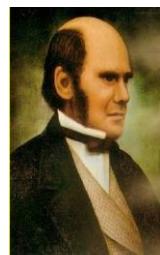
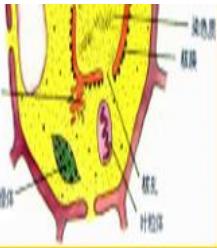
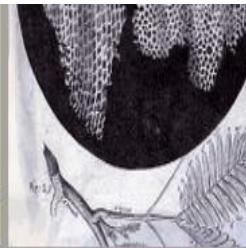
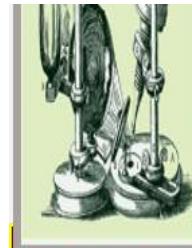
-**HT Tế bào (Hôp-cơ)**: chứng minh về sự thống nhất về mặt nguồn gốc, hình thái và cấu tạo vật chất của cơ thể thực vật, động vật trong quá trình chọn lọc tự nhiên.

- **HT tiến hóa (Đacuyn)**: chứng minh quá trình phát triển của giới hữu sinh tuân theo các quy luật khách quan; về sự phát sinh, phát triển đa dạng bởi tính di truyền – biến dị - chọn lọc tự nhiên và mối liên hệ hữu cơ giữa các loài thực, động vật.

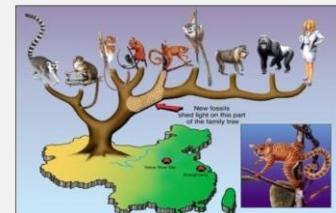


IOMONOXOP

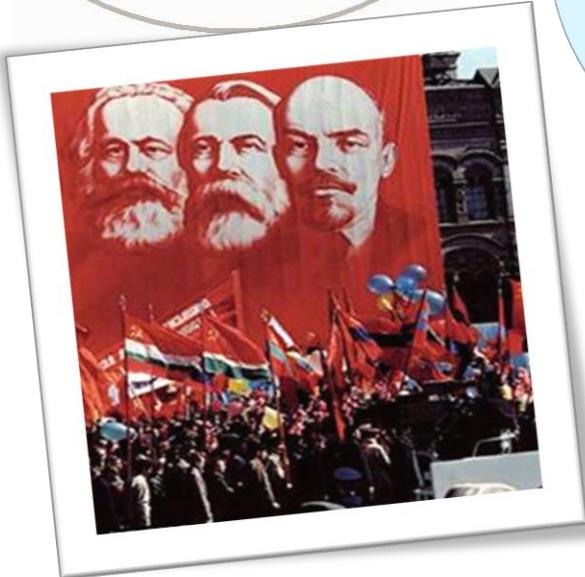
về luật
bảo toàn
và chuyển hóa
năng lượng



Học thuyết về sự tiến hóa các loài



Nhân tố chủ quan trong sự ra đời triết học Mác



Xuất thân từ tầng lớp
trên nhung C.Mác và
Ph.Ăngghen đều tích
cực tham gia hoạt
động thực tiễn

Hiểu sâu sắc cuộc
sống khốn khổ của
GCCN trong nền SX
TBCN nên đã đứng
trên lợi ích của
GCCN

Xây dựng hệ thống lý
luận để cung cấp cho
GCCN một công cụ
sắc bén để nhận thức
và cải tạo thế giới.

1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác – Lênin

b. Những thời kỳ chủ yếu trong sự hình thành và phát triển của triết học Mác



GĐ 1. Thời kỳ hình thành tư tưởng triết học (1841 – 1844)

C.MÁC hoạt động ở báo sông Ranh

C.MÁC VÀ PH.ĂNGGHEN hoạt động ở Pháp và Anh

PHÉP BIỆN CHỨNG CỦA HÊGHEN và CNDV CỦA PHOI-Ơ-BẮC

XÃ HỘI ĐỨC ĐẦU TK XIX

XHTBCN TÂY ÂU ĐẦU TK XIX

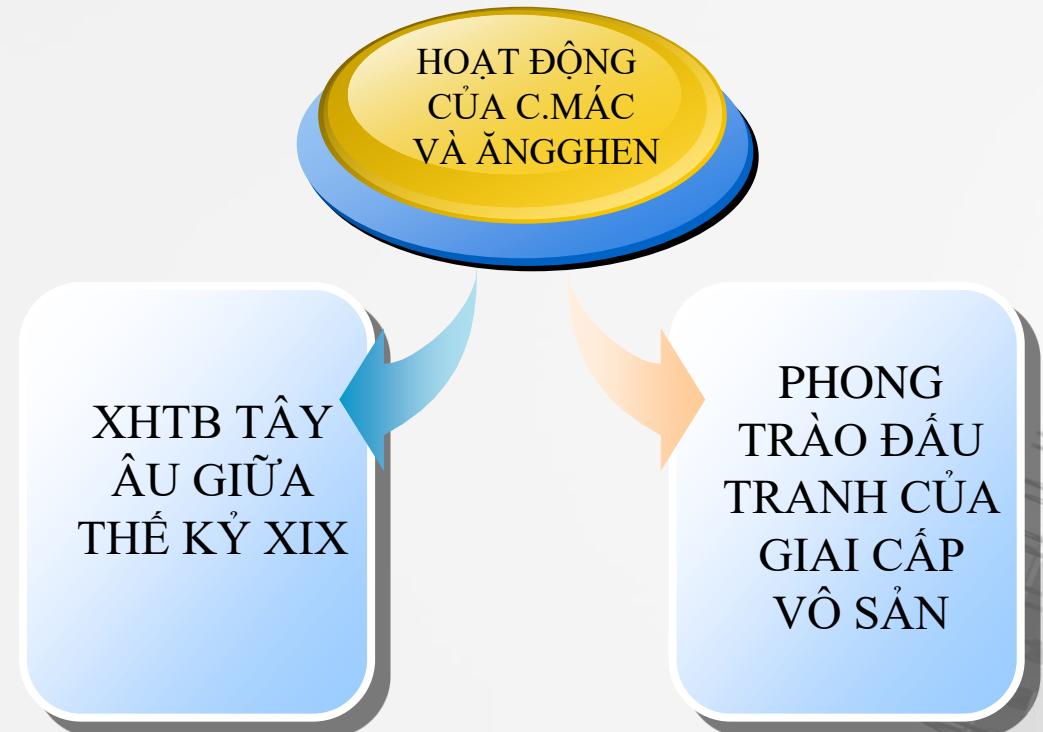
Chuyển biến tư tưởng của Mác và Ăngghen:

- Từ CNDT -> CNDV
- Từ dân chủ cách mạng -> Chủ nghĩa cộng sản

CÁC TÁC PHẨM CHỦ YẾU:

- “*Bàn về vấn đề Do thái*”
- “*Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen*”...

GĐ2. Đề xuất những nguyên lý triết học DVBC và DVLS (1844-1848)



Các tác phẩm tiêu biểu:

- Bản thảo kinh tế - triết học* (1844)
- Gia đình thần thánh* (1845)
- Hệ tư tưởng Đức* (1845)
- Tuyên ngôn của đảng công sản* (1848)...

GĐ 3. 1848 - 1895

LÝ LUẬN CỦA
C.MÁC VÀ
ĂNGGHEN

PHONG TRÀO ĐẤU
TRANH CỦA GIAI
CẤP CÔNG NHÂN

BỔ SUNG VÀ PHÁT
TRIỀN TOÀN DIỆN
LÝ LUẬN TRIẾT
HỌC (CNDVBC VÀ
CNDVLS)

Các tác phẩm tiêu biểu:

- Phê phán cương lĩnh Gôta (1875);
- Chống Duyrinh (1876.78);
- Biện chứng của tự nhiên (1873.83);
- Tư bản (40/XIX – 1883);
- V.v..

1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác – Lênin

c. Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do C.Mác và Ăngghen thực hiện



C.Mác và Ph. Ăngghen

- *Khắc phục tính trực quan, siêu hình của CNDV cũ và khắc phục tính chất duy tâm, thần bí của PBCDT, sáng tạo ra một CNDV triết học hoàn bị, đó là CNDVBC*
- *Sáng tạo ra CNDVLS – nội dung chủ yếu của bước ngoặt cách mạng do C.Mác và Ph.Ăngghen thực hiện trong triết học.*
- *Sáng tạo ra triết học DVBC – triết học chân chính khoa học.*

d. Lênin bảo vệ và phát triển CN.Mác (1893 – 1924)

BỐI CẢNH LỊCH SỬ VÀ NHU CẦU, BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN CN. MÁC



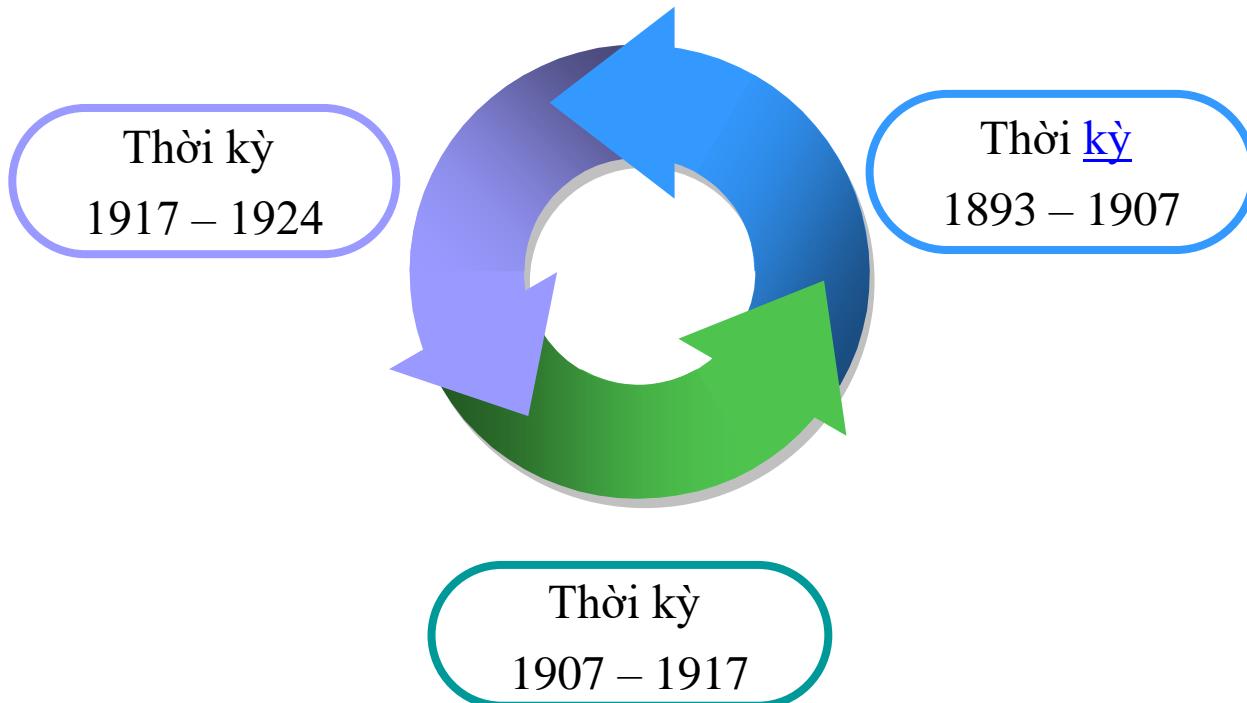
V.I. Lenin

(22/4/1870 - 21/1/1924)

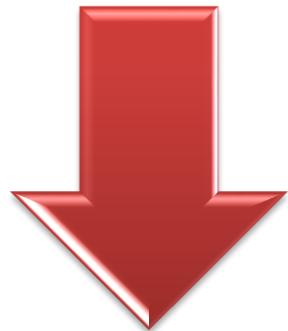
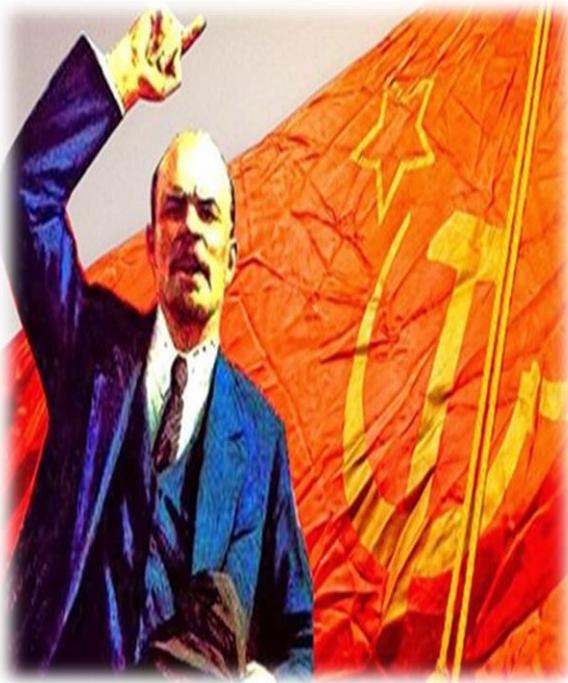
Những năm cuối TK XIX đầu TK XX CNTB phát triển sang giai đoạn CN đế quốc, dẫn đến mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản ngày càng sâu sắc.

Có những phát minh lớn trong lĩnh vực khoa học tự nhiên như điện tử, cấu tạo nguyên tử đã làm đảo lộn căn bản về thế giới. CNDT lợi dụng để tấn công CNDV.

Gồm 3 thời kỳ:



THỜI KỲ 1893 -1907: *Lênin bảo vệ và phát triển triết học Mác nhằm thành lập đảng marxit ở Nga, chuẩn bị cho cuộc cách mạng dân chủ tư sản lần thứ nhất*



Chống quan điểm *duy tâm* về xã hội, những quan điểm xuyên tạc chủ nghĩa Mác

Đưa ra nhiều tư tưởng về: *mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn; về hệ tư tưởng của giai cấp vô sản; về vai trò của quần chúng nhân dân, của các đảng chính trị, của các nhân tố khách quan và chủ quan*



THỜI KỲ 1907 – 1917: Lênin phát triển toàn diện triết học Mác và lãnh đạo phong trào công nhân Nga, chuẩn bị cho cách mạng XHCN.



Một là



Hai là



Ba là

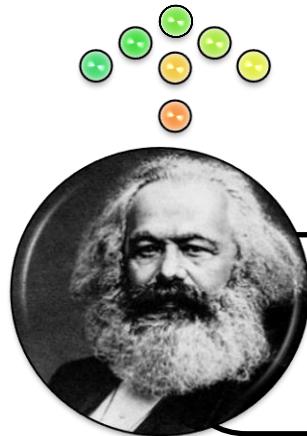
Tổng kết những thành tựu của KHTN để chống chủ nghĩa Makarov

Đưa ra định nghĩa kinh điển về vật chất.

Phát triển tư tưởng về: mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, tồn tại xã hội và ý thức xã hội, những nguyên tắc của nhận thức; nhà nước chuyên chính vô sản, v.v.



THỜI KỲ 1917 – 1924: TK Lenin tổng kết kinh nghiệm thực tiễn cách mạng, bổ sung, hoàn thiện triết học Mác, gắn liền với việc nghiên cứu các vấn đề xây dựng XHCN.



Tiếp tục bảo vệ phép biện chứng Mácxit



Phát triển chủ nghĩa Mác về: thời kỳ quá độ, về hai nhiệm vụ của giai cấp vô sản, về kế hoạch xây dựng CNXH theo chính sách kinh tế mới, v.v.

II. TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin

a

Khái niệm
triết học
Mác -
Lênin

b

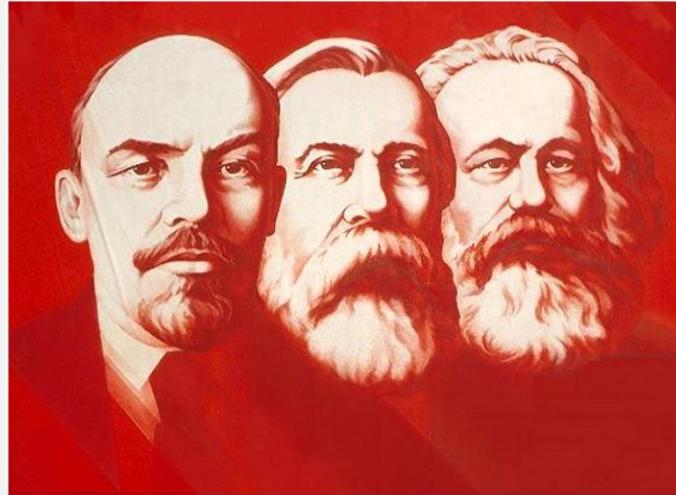
Đối tượng
của triết
học Mác -
Lênin

c

Chức năng
của triết học
Mác - Lênin

2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin

a. Khái niệm triết học Mác - Lênin



Triết học Mác – Lênin là hệ thống quan điểm duy vật biện chứng về tự nhiên, xã hội và tư duy – thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động trong nhận thức và cải tạo thế giới.

2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin

b. Đối tượng của triết học Mác - Lênin



- Triết học Mác – Lênin có đối tượng nghiên cứu là những quy luật chung nhất của TH, XH và TD.
- Triết học Mác-Lênin là thế giới quan, nhân sinh quan của giai cấp công nhân hiện đại, đại biểu cho toàn thể nhân dân lao động trong thời đại hiện nay.

2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin

b. Đối tượng của triết học

Những quy luật phổ biến về sự vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy.

Vì vậy: *giữa triết học và các môn khoa học khác có liên quan*

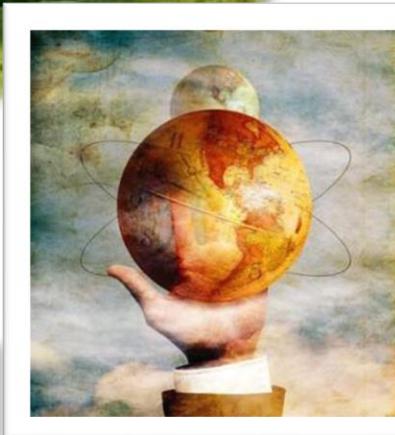
TH không có tham vọng giải quyết (và cũng không thể giải quyết) những vấn đề chuyên biệt thuộc các ngành KH cụ thể

Mỗi KH cụ thể cung cấp cho con người từng mặt về thế giới. **Tổng hợp các tri thức** đó làm thành cơ sở của triết học.

TH sẽ không thể duy trì và phát triển được, nếu nó không tiếp tục khai quát các tài liệu của KH.

Ngược lại, các KH cụ thể sẽ không thể phát triển lên được nếu *không có sự chỉ đạo của một thế giới quan KH*.

c. Chức năng của triết học Mác - Lênin



Chức năng thế giới quan

- + Thế giới quan đúng đắn là tiền đề để xác lập nhân sinh quan tích cực giúp cho con người sáng tạo trong hoạt động.
- + Thế giới quan sai lầm làm cho con người sống thụ động hoặc sai lệch trong hoạt động.
- + Việc nghiên cứu triết học giúp ta định hướng hoàn thiện thế giới quan.

Chức năng phương pháp luận

- + Phương pháp luận là lý luận về phương pháp; là hệ thống quan điểm có tính nguyên tắc chỉ đạo việc tìm tòi, xây dựng, lựa chọn và vận dụng các phương pháp.
- + Việc nghiên cứu triết học giúp ta có được PPL chung nhất, trở nên năng động sáng tạo trong hoạt động phù hợp với xu thế phát triển chung.

II. TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

3. VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI



TH Mác – Lênin là cơ sở thế giới quan và PPL khoa học, cách mạng để phân tích xu hướng phát triển của xã hội trong điều kiện cuộc CMKH và công nghệ hiện đại phát triển mạnh mẽ



Triết học Mác – Lênin là cơ sở lý luận khoa học của công cuộc xây dựng XHCN trên thế giới và sự nghiệp đổi mới theo định hướng XHCN ở Việt Nam

KẾT THÚC CHƯƠNG!

Thank
You

